

***CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH***

***Báo cáo của Hội đồng Quản trị***

***Báo cáo tài chính đã kiểm toán***

***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008***

## **MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 – 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2008	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 22

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Xanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### 1. Thành viên của Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Nùng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Sửu	Thành viên
Ông Phạm Bạch Vân	Thành viên

### 2. Thành viên của Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Nùng	Giám đốc
Ông Lê Văn Sửu	Phó Giám đốc
Ông Phạm Bạch Vân	Phó Giám đốc

### 3. Những thay đổi đáng chú ý trong năm

Trong năm tài chính 2008, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh thể hiện qua việc tăng số vốn điều lệ từ 77.595.000.000 VND lên đến 80.000.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000077 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 29/01/2008 tại Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

### 4. Các hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000077 ngày 29 tháng 01 năm 2008 thì hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Giao nhận, vận tải bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

### 5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 22.

### 6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

### 7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

### 8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

### 9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### 10. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

### **11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

---

**Phạm Văn Nùng**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Ngày 28 tháng 4 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2009

Số: 107b/BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
của Công ty Cổ phần Đồng Xanh*

**Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đồng Xanh (gọi tắt là “Công ty”) ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày này (từ trang 05 đến trang 22).

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Đồng Xanh cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Kiểm toán viên**

**Giám đốc**

**Nguyễn Ngọc Tuyên**  
Chứng chỉ KTV số: 0188/KTV

**Nguyễn Văn Tuyên**  
Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>127,693,362,928</b>	<b>142,373,430,238</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>16,226,245,825</i>	<i>15,923,037,170</i>
1. Tiền	111	V.01	16,226,245,825	15,923,037,170
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>5,500,000,000</i>	<i>21,550,000,000</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	5,500,000,000	21,550,000,000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	V.03	<i>25,176,278,921</i>	<i>7,010,038,000</i>
1. Phải thu khách hàng	131		20,113,878,833	1,398,238,590
2. Trả trước cho người bán	132		4,998,458,250	4,929,359,410
3. Các khoản phải thu khác	138		63,941,838	682,440,000
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.04	<i>80,790,838,182</i>	<i>96,778,017,419</i>
1. Hàng tồn kho	141		81,694,220,526	96,778,017,419
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(903,382,344)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>-</i>	<i>1,112,337,649</i>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1,043,536,609
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	68,801,040
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19,618,757,540</b>	<b>12,792,502,855</b>
<i>I. Tài sản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>12,786,107,393</i>	<i>12,698,416,946</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	7,332,875,771	7,103,269,365
- Nguyên giá	222		8,553,666,733	7,767,448,566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,220,790,962)	(664,179,201)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	5,042,322,532	5,184,238,491
- Nguyên giá	228		5,334,397,500	5,334,397,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(292,074,968)	(150,159,009)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	410,909,090	410,909,090
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	V.08	<i>5,139,323,118</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,353,434,368	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		11,551,750,000	-
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7,765,861,250)	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>1,693,327,029</i>	<i>94,085,909</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1,693,327,029	94,085,909
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>147,312,120,468</b>	<b>155,165,933,093</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36,405,983,227</b>	<b>71,003,444,890</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36,405,983,227</b>	<b>71,003,444,890</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	24,000,000,000	45,260,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.11	9,870,512,583	11,075,952,998
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1,219,470,644	21,834,759
4. Phải trả công nhân viên	315		-	65,700,000
5. Chi phí phải trả	316	V.13	1,316,000,000	2,578,257,133
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	12,001,700,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.14	<b>110,906,137,241</b>	<b>84,162,488,203</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>107,881,500,449</b>	<b>84,162,488,203</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	77,595,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4,536,954,688	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,512,317,896	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21,832,227,865	6,567,488,203
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3,024,636,792</b>	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3,024,636,792	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>147,312,120,468</b>	<b>155,165,933,093</b>
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại - USD				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Huỳnh Nhi  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 28 tháng 4 năm 2009

Phạm Văn Nùng  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.01	<b>227,228,125,732</b>	<b>82,344,260,430</b>
Trong đó: Doanh thu xuất khẩu				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>227,228,125,732</b>	<b>82,344,260,430</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	170,050,880,527	72,005,682,930
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>57,177,245,205</b>	<b>10,338,577,500</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	557,667,080	1,120,577,704
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	11,358,529,039	4,308,382,060
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,660,733,309	4,306,461,200
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	207,194,553	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,734,456,431	1,631,146,531
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>43,434,732,262</b>	<b>5,519,626,613</b>
11. Thu nhập khác	31		-	9,158,349
12. Chi phí khác	32		-	1,962,261
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>7,196,088</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>43,434,732,262</b>	<b>5,526,822,701</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>43,434,732,262</b>	<b>5,526,822,701</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>70</b>	VI.07	<b>5,442</b>	<b>1,108</b>

*Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính***Nguyễn Huỳnh Nhi**

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 4 năm 2009

**Phạm Văn Nùng**

Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>43,434,732,262</b>	<b>5,526,822,701</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	698,527,720	640,138,873
Các khoản dự phòng	03	8,669,243,594	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	69,402,821
Chi phí lãi vay	06	1,660,733,309	4,306,461,200
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi</b>	<b>08</b>	<b>54,463,236,885</b>	<b>10,542,825,595</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(17,053,903,272)	(6,832,859,347)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	15,083,796,893	(48,741,563,368)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả,	11	(14,653,461,663)	8,935,461,196
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(1,599,241,120)	2,636,112,707
Tiền lãi vay đã trả	13	(344,733,309)	(1,728,174,067)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	156,567,267
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(16,333,224)	(5,020,926,400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35,879,361,190</b>	<b>(40,052,556,417)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS DH khác	21	(786,218,167)	(5,989,861,819)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19,300,000,000)	(15,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23,800,000,000	5,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,355,184,368)	(11,550,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2,358,597,465</b>	<b>(27,539,861,819)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	41,223,000,000	67,595,000,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(38,818,000,000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41,160,388,200	58,760,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62,420,388,200)	(44,500,000,000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19,079,750,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(37,934,750,000)</b>	<b>81,855,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>303,208,655</b>	<b>14,262,581,764</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15,923,037,170	1,660,455,406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16,226,245,825</b>	<b>15,923,037,170</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Huỳnh Nhi  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 28 tháng 4 năm 2009

Phạm Văn Nùng  
 Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồng Xanh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000077 ngày 18 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 03 ngày 29 tháng 01 năm 2008 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là:

80.000.000.000 đồng

Tên thành viên	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Vốn góp thực tế đến 31/12/2008
Ông Phạm Văn Nùng	14.591.000.000	14.591.000.000
Ông Lê Văn Sửu	5.925.000.000	5.925.000.000
Ông Phạm Bạch Vân	5.550.000.000	5.550.000.000
Và Các cổ đông cá nhân khác	53.934.000.000	53.934.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

Trụ sở hoạt động: Lô G3.1 + G4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 – Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tổng số công nhân viên Công ty: 82 người

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Giao nhận, vận tải bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

#### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### **2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

##### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

##### **5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

### **Tài sản cố định**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Quyền sử dụng đất	theo thời hạn thuê

## **6. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

## **7. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **8. Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Khi bán thành phẩm, hàng hóa doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

### **Chi phí**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

### 9. Thuế

Căn cứ Quyết định số 2613/2004/QĐ-UB ngày 04/8/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An và theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ quy định chi tiết về thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là “TNDN”) hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN như sau:

- Đối với hoạt động gia công, sản xuất: hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong 12 năm, miễn thuế TNDN 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế TNDN của 09 năm tiếp theo;
- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ: hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong 10 năm, miễn thuế TNDN 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế TNDN của 08 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2008 là năm thứ ba Công ty có thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Khoản sai biệt giữa thuế phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty và số liệu do quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

Ngoài thuế TNDN, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

#### ***Thuế hiện hành***

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 23% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ.

Công ty chưa trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho công nhân viên.

### **11. Đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư chứng khoán***

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2008	31/12/2007
Tiền mặt	15,808,989,943	11,920,393,329
Tiền gửi ngân hàng	(*) 417,255,882	4,002,643,841
<b>Cộng</b>	<b>16,226,245,825</b>	<b>15,923,037,170</b>

#### (\*): Bao gồm

Tiền gửi ngân hàng bằng VND	403,477,519	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (811.84 USD)	13,778,363	
<b>Cộng</b>		<b>417,255,882</b>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2008	31/12/2007
Khoản cho vay đến Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I (*)	5,500,000,000	10,000,000,000
Đầu tư mua 350.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á	-	11,550,000,000
<b>Cộng</b>	<b>5,500,000,000</b>	<b>21,550,000,000</b>

(\*): Khoản cho vay đến Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I theo hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 02/HAI ngày 19/12/2008, lãi suất cố định là 14%/năm. Ngày đáo hạn là 3 tháng kể từ ngày nhận tiền cho vay (cũng là ngày ký Hợp đồng cho vay).

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2008	31/12/2007
Phải thu khách hàng	20,113,878,833	1,398,238,590
Trả trước cho người bán	(*) 4,998,458,250	4,929,359,410
Phải thu khác	(**) 63,941,838	682,440,000
<b>Cộng</b>	<b>25,176,278,921</b>	<b>7,010,038,000</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>25,176,278,921</b>	<b>7,010,038,000</b>

(\*): Bao gồm khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Gentraco số tiền 4,4 tỷ đồng về việc mua 500 tấn gạo xuất khẩu (Mục VII.01) và khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác số tiền 598.458.250 đồng.

(\*\*): Khoản lãi cho vay phải thu từ Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Hàng tồn kho	31/12/2008	31/12/2007
Nguyên vật liệu	54,097,143,705	76,875,732,488
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	221,755,766	9,449,745,446
Thành phẩm	22,477,195,811	10,452,539,485
Hàng hóa	4,898,125,244	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>81,694,220,526</b>	<b>96,778,017,419</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(903,382,344)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>80,790,838,182</b>	<b>96,778,017,419</b>

### 5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	5,313,322,178	1,430,163,877	1,023,962,511	7,767,448,566
Tăng	177,440,140	340,559,165	268,218,862	786,218,167
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>5,490,762,318</b>	<b>1,770,723,042</b>	<b>1,292,181,373</b>	<b>8,553,666,733</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	371,779,862	190,708,355	101,690,983	664,179,200
Tăng	202,945,737	232,820,026	120,845,999	556,611,762
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>574,725,599</b>	<b>423,528,381</b>	<b>222,536,982</b>	<b>1,220,790,962</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	4,941,542,316	1,239,455,522	922,271,528	7,103,269,365
Số dư cuối kỳ	<b>4,916,036,719</b>	<b>1,347,194,661</b>	<b>1,069,644,391</b>	<b>7,332,875,771</b>

Nguyên giá tài sản cố định tăng do đầu tư mua sắm và sửa chữa, cải tạo mới.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	5,334,397,500	5,334,397,500
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>5,334,397,500</b>	<b>5,334,397,500</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	150,159,009	150,159,009
Tăng	141,915,959	141,915,959
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>292,074,968</b>	<b>292,074,968</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	5,184,238,491	5,184,238,491
Số dư cuối kỳ	<b>5,042,322,532</b>	<b>5,042,322,532</b>

Quyền sử dụng đất bao gồm:

a. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến hết ngày 31/10/2049 với diện tích 4.500 m<sup>2</sup> tại Thửa đất số 146 (Lô G3.1 + G4) thuộc tờ khai bản đồ số 30 đặt tại xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T01250 ngày 24/11/2006.

- Bên cho thuê: Công ty Liên Doanh Khai thác Hạnh Phúc theo Hợp đồng thuê đất số 16-03/HĐ-HP ngày 16/3/2005;

- Thời gian thuê: từ 16/3/2005 đến 31/10/2049;

- Tổng cộng tiền thuê: **45.000 USD**;

- Tiền thuê đã trả đến 31/12/2008 là: **714.397.500 VND (A)** tương đương **45.000 USD**;

- Thời gian phân bổ: bắt đầu từ tháng 07 năm 2006 đến tháng 10 năm 2049 (520 tháng).

b. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến tháng 10/2043 với diện tích 2.706,9 m<sup>2</sup> tại Thửa đất số 104 thuộc tờ khai bản đồ số 22 đặt tại Phường 3 - thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng theo phần nội dung thay đổi của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00843 ngày 13/01/2000.

- Bên chuyển nhượng: Ông Thái Thành Huôi và Bà Huỳnh Thùy Trang theo Hợp đồng chuyển nhượng đất số 07 ngày 13/11/2006

- Thời gian sử dụng: từ 24/11/2006 đến tháng 10/2043;

- Tổng cộng tiền chuyển nhượng: **4.620.000.000 đồng**;

- Tiền chuyển nhượng đã trả đến 31/12/2008 là: **4.620.000.000 đồng (B)**;

- Thời gian phân bổ: bắt đầu từ tháng 01/2007 đến tháng 10/2043 (442 tháng);

**Cộng (A) + (B) = 5.334.397.500 đồng**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	31/12/2008	31/12/2007
Khoản đặt cọc nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	410,909,090	410,909,090
	<b>410,909,090</b>	<b>410,909,090</b>

Theo Hợp đồng đặt cọc số 475/HĐĐC/HĐ 87 BTĐ-2006 ngày 22/8/2006 và Hợp đồng đặt cọc số 498/HĐĐC/HĐ 87 BTĐ-2006 ngày 27/11/2006 về việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở - nhà ở tại Tiểu khu 2 - Khu dân cư Bình Trị Đông giữa Công ty với Công ty TNHH Ngân Sơn, Công ty sẽ đặt cọc 100% giá trị Quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Ngân Sơn (giá trị trên là 100% giá trị của 2 nền đất mã số A-05 và A.06) . Khi Công ty TNHH Ngân Sơn có bản vẽ thiết kế (theo quy hoạch) và dự toán nhà chi tiết của việc xây dựng cơ sở hạ tầng trên 2 nền đất này thì hai bên sẽ thống nhất thỏa thuận giá trị xây dựng nhà ở. Phương thức thanh toán giá trị xây dựng nhà ở sẽ được thực thi trên cơ sở của 2 Hợp đồng này.

<b>8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	31/12/2008	31/12/2007
Đầu tư vào công ty liên kết (a)	1,353,434,368	-
Đầu tư mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á (b)	11,551,750,000	-
<b>Cộng</b>	<b>12,905,184,368</b>	<b>-</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (c)	(7,765,861,250)	-
<b>Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5,139,323,118</b>	<b>-</b>

(a): Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Bốn Đúng với tỷ lệ sở hữu là 40% vốn điều lệ (12 tỷ đồng). Vốn góp thực tế đến 31/12/2008 của Công ty là 1.353.434.368 đồng. Việc góp vốn sẽ được kéo dài trong 03 năm.

(b): Bao gồm khoản đầu tư mua 350.000 cổ phiếu (giá mua là 33.000 đồng/cổ phiếu) của Ngân hàng TMCP Việt Á. Trong năm 2008, Công ty đã nhận được cổ tức tương đương 175 cổ phiếu và 87.500 cổ phiếu thưởng từ Ngân hàng TMCP Việt Á.

(c) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn như sau:

Tên cổ phiếu	Số lượng 31/12/2008	Đơn giá tồn bình quân	Đơn giá trị trường	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
VAB	437,675	26,393	8,650	7,765,861,250
<b>Cộng</b>	<b>437,675</b>			<b>7,765,861,250</b>

<b>9. Chi phí trả trước</b>	31/12/2008	31/12/2007
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	56,528,280	94,085,909
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	1,636,798,749	-
<b>Cộng</b>	<b>1,693,327,029</b>	<b>94,085,909</b>

(\*): Chi phí thuê đất trả trước (tương đương 40% giá trị hợp đồng thuê lại đất số 15-11/HĐTLĐ ngày 07/11/2008 được ký giữa hai bên) tại Lô đất rộng 4.589 m<sup>2</sup> tọa lạc tại số MB1-4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 - Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Thời gian phân bổ còn lại là 490 tháng tính trên 100% giá trị hợp đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Vay ngắn hạn	31/12/2008	31/12/2007
Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Phú Lâm	-	3,260,000,000
Vay từ Ông Phạm Văn Nùng	6,000,000,000	11,000,000,000
Vay từ Ông Nguyễn Thanh Hồng	4,000,000,000	-
Vay từ Ông Vũ Đình Tư	5,000,000,000	3,000,000,000
Vay từ Ông Đinh Nguyên Mỹ	6,000,000,000	6,000,000,000
Vay từ Ông Phạm Bạch Vân	3,000,000,000	11,000,000,000
Vay từ Ông Lê Văn Sửu	-	11,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>24,000,000,000</b>	<b>45,260,000,000</b>

### Chi tiết các khoản nợ vay

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Phú Lâm	3,260,000	6,160,388	9,420,388	-
Vay từ Ông Phạm Văn Nùng	11,000,000	6,000,000	11,000,000	6,000,000
Vay từ Ông Nguyễn Thanh Hồng	-	4,000,000	-	4,000,000
Vay từ Ông Vũ Đình Tư	3,000,000	5,000,000	3,000,000	5,000,000
Vay từ Ông Đinh Nguyên Mỹ	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
Vay từ Ông Phạm Bạch Vân	11,000,000	9,000,000	17,000,000	3,000,000
Vay từ Ông Lê Văn Sửu	11,000,000	5,000,000	16,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>45,260,000</b>	<b>41,160,388</b>	<b>62,420,388</b>	<b>24,000,000</b>

### Chi tiết số dư nợ vay cuối kỳ

Vay từ	Số dư nợ vay đến 31/12/2008	Ngày đáo hạn trên hợp đồng	Lãi suất
Ông Phạm Văn Nùng	6,000,000,000	06/7/2008	0.60%/tháng
Ông Nguyễn Thanh Hồng	4,000,000,000	14/12/2008	0.60%/tháng
Ông Vũ Đình Tư	5,000,000,000	21/12/2008	0.60%/tháng
Ông Đinh Nguyên Mỹ	6,000,000,000	07/12/2008	0.60%/tháng
Ông Phạm Bạch Vân	3,000,000,000	16/6/2009	0.60%/tháng
<b>Cộng</b>	<b>24,000,000,000</b>		

11. Phải trả người bán	31/12/2008	31/12/2007
Phải trả người bán	9,870,512,583	11,075,952,998
<b>Cộng</b>	<b>9,870,512,583</b>	<b>11,075,952,998</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Bao gồm:

Phải trả người bán bằng VND	8,826,087,543
Phải trả người bán bằng ngoại tệ (61.520 USD)	1,044,425,040
<b>Cộng</b>	<b>9,870,512,583</b>

<b>12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	31/12/2008	31/12/2007
Thuế GTGT	1,167,061,084	21,834,759
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	43,745,170	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8,664,390	-
<b>Cộng</b>	<b>1,219,470,644</b>	<b>21,834,759</b>

<b>13. Chi phí phải trả</b>	31/12/2008	31/12/2007
Chi phí lãi vay còn phải trả	1,316,000,000	2,578,257,133
<b>Cộng</b>	<b>1,316,000,000</b>	<b>2,578,257,133</b>

<b>14. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<i>Đơn vị tính: ngàn đồng</i>			
	<b>Đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Cuối năm</b>
Vốn góp	77,595,000	41,223,000	38,818,000	80,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	-	4,536,955	-	4,536,955
Quỹ dự phòng tài chính	-	1,512,318	-	1,512,318
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3,024,637	-	3,024,637
Lợi nhuận chưa phân phối	6,567,488	43,434,732	28,169,993	21,832,228
<b>Cộng</b>	<b>84,162,488</b>	<b>93,731,642</b>	<b>66,987,993</b>	<b>110,906,137</b>

Vốn góp giảm trong năm do các cổ đông rút vốn.

Vốn góp tăng trong năm do thu góp vốn từ các cổ đông.

### Lợi nhuận trong năm giảm do:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển	4,536,954,688
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	1,512,317,896
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,024,636,792
Chia cổ tức năm 2007	3,879,750,000
Tạm chia cổ tức năm 2008	15,200,000,000
Các khoản chi phạt	16,333,224
<b>Cộng</b>	<b>28,169,992,600</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**14. a. Chi tiết vốn đầu tư**

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi
Vốn nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn cổ đông	80,000,000	80,000,000	-	77,595,000	77,595,000	-
Thặng dư	-	-	-	-	-	-
CP quỹ	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>80,000,000</b>	<b>80,000,000</b>	<b>-</b>	<b>77,595,000</b>	<b>77,595,000</b>	<b>-</b>

**14. b. Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	<b>8,000,000</b>	<b>7,759,500</b>
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	<b>8,000,000</b>	<b>7,759,500</b>
- Cổ phiếu thường	8,000,000	7,759,500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>8,000,000</b>	<b>7,759,500</b>
- Cổ phiếu thường	8,000,000	7,759,500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**14. c. Chi tiết thành viên góp vốn**

	Tỷ lệ	Năm 2008	Năm 2007
Ông Phạm Văn Nùng	18.24%	14,591,000,000	33,441,000,000
Ông Lê Văn Sửu	7.41%	5,925,000,000	11,850,000,000
Ông Phạm Bạch Vân	6.94%	5,550,000,000	8,550,000,000
Và các cổ đông các nhân khác	67.42%	53,934,000,000	23,754,000,000
<b>Cộng</b>	<b>100.00%</b>	<b>80,000,000,000</b>	<b>77,595,000,000</b>

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Doanh thu**

	Năm 2008	Năm 2007
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	227,228,125,732	82,344,260,430
<b>Cộng</b>	<b>227,228,125,732</b>	<b>82,344,260,430</b>
Trừ Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>227,228,125,732</b>	<b>82,344,260,430</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Năm 2008	Năm 2007
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	169,147,498,183	72,005,682,930
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	903,382,344	-
<b>Cộng</b>	<b>170,050,880,527</b>	<b>72,005,682,930</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi Ngân hàng	53,119,609	37,170,437
Lãi chênh lệch tỷ giá	150,759,971	156,567,267
Lãi cho vay	352,037,500	926,840,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,750,000	-
<b>Cộng</b>	<b>557,667,080</b>	<b>1,120,577,704</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	1,660,733,309	4,306,461,200
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,931,934,480	1,920,860
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	7,765,861,250	-
<b>Cộng</b>	<b>11,358,529,039</b>	<b>4,308,382,060</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí khuyến mãi	207,194,553	-
<b>Cộng</b>	<b>207,194,553</b>	<b>-</b>
<b>6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		Năm 2008
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>43,434,732,262</b>
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất		40,809,965,706
- Lợi nhuận từ hoạt động thương mại		2,624,766,556
Trừ các khoản thu nhập đã tính thuế TNDN		-
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>		<b>43,434,732,262</b>
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động sản xuất (15%)		5,537,928,363
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động thương mại (20%)		977,281,476
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>		<b>6,515,209,839</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (100%)		6,515,209,839
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính phải nộp</b>		<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	Năm 2008
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>43,434,732,262</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>43,434,732,262</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7,981,601
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5,442</b>

**VII. Thông tin khác**

**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Huỳnh Nhi**  
Kế toán trưởng  
Ngày 28 tháng 4 năm 2009

---

**Phạm Văn Nùng**  
Giám đốc